

Số: 298/QĐTN-ĐT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, hệ vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2009, tại Trung tâm GDTX TP. Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 05/TCCB ngày 06 tháng 01 năm 1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-HC ngày 30/12/2010 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm về việc thành lập hội đồng thi và công nhận tốt nghiệp hệ VLVH ngành THSP Mầm non, khóa thi ngày 08,09/01 năm 2011 tại Trung tâm GDTX thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp ngày 10/02/2011 của hội đồng trường Đại học Sư phạm;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp cho 82 học viên, hệ vừa làm vừa học, ngành Sư phạm Giáo dục Mầm non tại Trung tâm GDTX TP. Đà Nẵng, khóa tuyển sinh năm 2009 (có danh sách kèm theo).

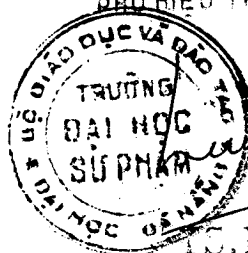
Điều 2. Cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp cho các học viên có tên ở Điều 1.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, HCTH, Ban Chủ nhiệm khoa Giáo dục Tiểu học & Mầm non và các học viên có tên ở Điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- ĐHĐN (Ban Đào tạo)
- Bộ GD-ĐT (qua Ban Đào tạo)
- Lưu HCTH, ĐT

KT. HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lưu Trọng

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 298 /QĐTN ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Hiệu trưởng trường ĐHSPT)

Ngành đào tạo: TCCN, ngành Sư phạm Giáo dục Mầm non, hệ VLVH tại TT GDTX TP. Đà Nẵng

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	Võ Thị	Bảy	02/07/84	Nghệ An	7.3	Khá	
2	Nguyễn Thị	Cúc	10/08/90	Gia Lai	7.0	Khá	
3	Lâm Thị Hồng	Diễm	25/09/83	QN- Đà Nẵng	7.5	Khá	
4	Nguyễn Thị Thùy	Diễm	16/01/86	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	
5	Cao Thị	Diễn	06/02/86	Quảng Bình	7.7	Khá	
6	Nguyễn Thị	Dịu	04/06/85	Quảng Bình	7.3	Khá	
7	Bạch Thị	Dung	10/10/89	Hà Tĩnh	7.3	Khá	
8	Nguyễn Thị Phương	Dung	17/01/84	Đà Nẵng	7.9	Khá	
9	Đinh Thị	Điều	08/12/78	Quảng Bình	7.0	Khá	
10	Hồ Thị Hồng	Hà	10/09/85	Nghệ An	7.2	Khá	
11	Hứa Thị Bích	Hà	16/06/76	Đà Nẵng	7.5	Khá	
12	Ngô Thị Thúy	Hà	25/10/84	Đà Nẵng	7.7	Khá	
13	Trương Thị Thu	Hà	15/11/89	Quảng Nam	7.6	Khá	
14	Nguyễn Thị Thu	Hằng	05/05/90	Đà Nẵng	7.2	Khá	
15	Cao Thị	Hạnh	12/10/81	Quảng Bình	7.5	Khá	
16	Trần Thị	Hiệp	26/02/89	Thanh Hóa	7.2	Khá	
17	Rmah	H'Muan	22/07/88	Gia Lai	7.1	Khá	
18	Trần Thị	Hoa	20/06/89	Đà Nẵng	6.8	Trung bình khá	
19	Đỗ Thị Thanh	Huệ	03/05/87	Đắk Lắk	7.3	Khá	
20	Lê Thị	Huệ	06/02/82	Thanh Hóa	6.8	Trung bình khá	
21	Nguyễn Thị	Hương	12/06/88	Nghệ An	7.8	Khá	
22	Bạch Thị Thu	Hương	20/10/87	Quảng Trị	6.8	Trung bình khá	
23	Nguyễn Thị	Huyền	07/03/85	Nghệ An	6.9	Trung bình khá	
24	Nguyễn Thị	Huyền	01/09/90	Quảng Nam	6.9	Trung bình khá	
25	Phạm Thị Phúc	Kim	23/01/90	Đà Nẵng	7.6	Khá	
26	Đinh Thị Cẩm	Lai	05/08/82	Đà Nẵng	8.5	Giỏi	
27	Bùi Thị	Lân	23/10/90	Quảng Bình	7.1	Khá	
28	Nguyễn Thị	Lợi	13/11/90	Quảng Nam	6.8	Trung bình khá	
29	Ngô Thị	Ly	30/05/89	Đà Nẵng	7.5	Khá	
30	Lương Thị	Mão	18/04/88	Nghệ An	6.9	Trung bình khá	
31	Nguyễn Thị Hằng	Nga	28/02/89	Đà Nẵng	7.6	Khá	

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
32	Nguyễn Thị	Nghĩa	03/03/86	Quảng Nam	7.3	Khá	
33	Lê Thị Kim	Ngọc	09/07/81	Quảng Trị	7.2	Khá	
34	Ngô Đăng Kim	Ngọc	18/03/89	Đà Nẵng	7.0	Khá	
35	Phan Thị Ánh	Nguyệt	19/04/86	Quảng Bình	7.4	Khá	
36	Trương Thị	Nguyệt	05/05/84	Thanh Hóa	7.3	Khá	
37	Hoàng Thị Kim	Nhung	20/04/90	Quảng Bình	7.7	Khá	
38	Trương Thị Mi	Ni	10/08/83	Đà Nẵng	7.1	Khá	
39	Trần Thị Yên	Ni	22/06/90	Đà Nẵng	7.3	Khá	
40	Lê Thị	Niềm	02/08/87	Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	
41	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	09/08/88	Đà Nẵng	7.3	Khá	
42	Nguyễn Thị Thùy	Oanh	25/09/89	Đà Nẵng	7.2	Khá	
43	Nguyễn Thị	Phong	06/06/80	Quảng Bình	6.9	Trung bình khá	
44	Nguyễn Thị	Phúc	30/10/86	Đà Nẵng	7.2	Khá	
45	Nguyễn Thị	Phương	20/08/88	Nghệ An	8.1	Giỏi	
46	Trần Thị	Phương	25/11/90	Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	
47	Trần Thị Minh	Phương	07/01/87	Quảng Nam	7.4	Khá	
48	Hoàng Thị	Phượng	10/10/85	Bình Trị Thiên	7.1	Khá	
49	Nguyễn Thị	Sáu	06/10/87	Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	
50	Lê Thị	Sen	18/04/79	Đà Nẵng	6.8	Trung bình khá	
51	Nguyễn Thị	Soa	06/01/84	Quảng Bình	7.1	Khá	
52	Trương Thị	Sương	08/02/88	Quảng Bình	7.3	Khá	
53	Hứa Thị	Tâm	29/03/85	Đà Nẵng	7.0	Khá	
54	Ngô Thị Thu	Thảo	05/04/88	Quảng Nam	7.1	Khá	
55	Nguyễn Thị Lệ	Thơ	02/05/85	Quảng Bình	7.8	Khá	
56	Phạm Thị	Thọ	31/08/65	Nam Định	6.9	Trung bình khá	
57	Phạm Thị	Thu	31/08/82	Thái Bình	7.6	Khá	
58	Đinh Thị	Thu	12/09/83	Quảng Bình	7.8	Khá	
59	Đinh Thị Minh	Thuận	18/12/88	Quảng Bình	8.1	Giỏi	
60	Trần Thị Mỹ	Thúy	14/06/79	Đà Nẵng	8.0	Giỏi	
61	Cao Thị	Thùy	19/01/89	Thừa Thiên Huế	6.3	Trung bình khá	
62	Nguyễn Thị	Thùy	14/08/89	Nghệ An	7.6	Khá	
63	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	04/10/80	Quảng Nam	7.4	Khá	
64	Vũ Thị	Thủy	25/05/88	Thanh Hóa	7.5	Khá	
65	Nguyễn Thị	Thủy	20/01/90	Hà Tĩnh	7.3	Khá	
66	Phan Thị Phước	Thủy	03/11/87	Đà Nẵng	7.2	Khá	
67	Trần Thị	Tiếp	05/05/90	Quảng Ngãi	7.8	Khá	
68	Phan Thị Huyền	Trang	17/07/88	Quảng Bình	7.3	Khá	

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
69	Lê Thị Trang	09/10/86	Quảng Nam	7.3	Khá	
70	Ngô Thị Hoàng Trúc	20/07/82	Đà Nẵng	7.5	Khá	
71	Trần Thị Minh Tú	11/10/90	Quảng Nam	7.5	Khá	
72	Lê Thị Hồng Vân	01/01/90	Quảng Trị	7.6	Khá	
73	Trần Thị Thùy Vân	10/07/89	Đà Nẵng	8.1	Giỏi	
74	Trần Thị Vương	23/06/89	Đà Nẵng	7.5	Khá	
75	Nguyễn Thị Thanh Xoan	15/12/88	Quảng Bình	7.4	Khá	
76	Phan Thị Xoan	15/12/88	Nghệ An	7.6	Khá	
77	Đặng Thị Xuân	03/09/85	Nghệ An	7.3	Khá	
78	Nguyễn Thị Khánh Giang	04/06/81	Quảng Nam	7.5	Khá	TS. 293/08
79	Nguyễn Thị Long	01/02/88	Hà Tĩnh	7.6	Khá	TS. 178/09
80	Nguyễn Thị Diễm My	09/08/87	Quảng Nam	7.9	Khá	TS. 190/08
81	Lê Thị Mỹ Trọ	10/02/88	Đà Nẵng	7.2	Khá	TS. 190/08
82	Đặng Thị Mai Ly	17/06/87	Đắk Lắk	7.0	Khá	TS. 247/06

Ấn định danh sách này có 82 (tám mươi hai) học viên được công nhận tốt nghiệp, trong đó có:

Nam: 0 - Nữ: 82

- 06 xếp loại Giỏi:
- 65 xếp loại Khá:
- 11 xếp loại Trung bình khá:

KT. Hiệu trưởng trường ĐHSP *hmm*

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lưu Trang

Đã hình ký 82 bằng TV
5/4/2011

hmm

Đã ký 82 bằng TV
Đã ký 5/4/2011

Tranhuu